# Unit 3C. Listening (trang 26)

**SBT Tiếng Anh 11 trang 26 Unit 3 Listening - Friends Global**  
**1 (trang 26 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Read the Listening Strategy. Then listen and circle the number or measurement you hear. (Đọc Chiến lược nghe. Sau đó nghe và khoanh tròn số hoặc số đo mà bạn nghe được)  
  
  
  
  
1. a. 115,000  
2. a. 3,700,000  
3. a. 2.07  
4. a. 3.(1/10)  
5. a. 35%  
6. а. 22-25  
7. а. 25°C  
8. a. 1930  
  
  
b. 100,050  
b. 37,000,000  
b 0.27  
b. 1/10  
b. 30.5%  
b. 2-25  
b. -5°C  
b. 1913  
  
  
с. 150,000  
с. 3,000,700  
с. 2.70  
c. 3/10  
с. 13%  
c. 20-25  
c. -25°C  
c. 913  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
1. a. 115,000  
2. b. 37,000,000  
3. c. 2.70  
4. a. 3.(1/10)  
5. b. 30.5%  
6. c. 20-25  
7. a. 25°C  
8. b. 1913  
**Giải thích:**  
1. "a hundred and fifteen thousand dollars"  
2. "thirty-seven million people"  
3. "two point seven zero"  
4. "three and one tenth"  
5. "thirty point five percent"  
6. "between twenty and twenty-five"  
7. "twenty-five degrees Celsius"  
8. "nineteen thirteen"  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. "một trăm mười lăm nghìn đô la"  
2. "ba mươi bảy triệu người"  
3. "hai phẩy bảy không"  
4. “ba và một phần mười”  
5. "ba mươi lăm phần trăm"  
6. "từ hai mươi đến hai mươi lăm"  
7. "25 độ C"  
8. "1913"  
  
**2 (trang 26 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Read aloud all the numbers and measurements in exercise 1. (Đọc to tất cả các số và số đo ở bài tập 1)  
**Đáp án:**  
Học sinh tự thực hành  
**Giải thích:**  
Học sinh tự thực hành  
**Hướng dẫn dịch:**  
Học sinh tự thực hành  
  
**3 (trang 26 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Listen and complete the facts with the numbers and 4 measurements you hear. (Hãy nghe và hoàn thành sự việc với những con số và 4 phép đo mà bạn nghe được)  
1. Your body makes \_\_\_\_\_\_\_ new blood cells every second.  
2. There are nearly \_\_\_\_\_\_\_\_ kilometres of blood vessels in an average adult body.  
3. Only \_\_\_\_\_\_\_\_\_ of the cells in our body are human; the other are bacteria.  
4. Your brain is only \_\_\_\_\_\_\_\_\_ of your body's weight, but it uses \_\_\_\_\_ of the oxygen.  
5. Your temperature is usually about \_\_\_\_\_\_ lower in the morning than in the evening.  
6. Blondes have about \_\_\_\_\_ more hairs on their head than people with black hair.  
7. Adult humans have \_\_\_\_\_ bones, but newborn babies have a lot more.  
8. The smallest muscle in the body is inside the ear; it is only \_\_\_\_ millimetres long.  
9. Men usually stop growing when they are \_\_\_\_ years old, women when they are  
**Đáp án:**  
1. Your body makes 2.5 million new blood cells every second.  
2. There are nearly 100,000 kilometres of blood vessels in an average adult body.  
3. Only 10% of the cells in our body are human; the other 90% are bacteria.  
4. Your brain is only 2% of your body's weight, but it uses 20% of the oxygen.  
5. Your temperature is usually about0.5°Clower in the morning than in the evening.  
6. Blondes have about 140,000 more hairs on their head than people with black hair.  
7. Adult humans have 206 bones, but newborn babies have a lot more.  
8. The smallest muscle in the body is inside the ear; it is only 1.27 millimetres long.  
9. Men usually stop growing when they are 18 years old, women when they are 16.  
**Giải thích:**  
Những thông tin trên dựa trên những thông tin khoa học  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Cơ thể bạn tạo ra 2,5 triệu tế bào máu mới mỗi giây.  
2. Trung bình một cơ thể người trưởng thành có gần 100.000 km mạch máu.  
3. Chỉ 10% tế bào trong cơ thể chúng ta là của con người; 90% còn lại là vi khuẩn.  
4. Bộ não của bạn chỉ nặng bằng 2% trọng lượng cơ thể nhưng sử dụng 20% lượng oxy.  
5. Nhiệt độ của bạn thường cao hơn khoảng 0,5°C vào buổi sáng so với buổi tối.  
6. Những người tóc vàng có nhiều hơn khoảng 140.000 sợi tóc so với những người có mái tóc đen.  
7. Người trưởng thành có 206 chiếc xương, nhưng trẻ sơ sinh có nhiều hơn thế.  
8. Cơ nhỏ nhất trong cơ thể nằm ở bên trong tai; nó chỉ dài 1,27 mm.  
9. Đàn ông thường ngừng phát triển khi 18 tuổi, phụ nữ khi 16 tuổi.  
  
**4 (trang 26 SBT Tiếng Anh 11 Friends Global):** Read the three short texts below about a Swedish woman called Anna Bägenholm, who had an accident. Then listen to an interview about her and decide which is the best summary of the accident. Underline the incorrect parts of the other options. (Đọc ba đoạn văn ngắn dưới đây về một người phụ nữ Thụy Điển tên là Anna Bägenholm, người bị tai nạn. Sau đó hãy nghe một cuộc phỏng vấn về cô ấy và quyết định đâu là bản tóm tắt hay nhất về vụ tai nạn. Gạch chân những phần sai trong các lựa chọn khác.)  
a. Anna had an accident while skiing. Nobody found her for several hours and when they did, they believed she was dead. But when she arrived at the hospital, she came back to life.  
b. Anna tried to rescue a colleague who had an accident in the mountains, but fell into some freezing water. She only survived because a helicopter took her to hospital.  
c. Anna had an accident while skiing. She became so cold that her breathing and heartbeat stopped for hours, but she made a full recovery.  
**Đáp án:** C  
**Giải thích:**  
Anna gặp tai nạn khi trượt tuyết. Cô ấy trở nên lạnh đến mức hơi thở và nhịp tim ngừng đập trong nhiều giờ, nhưng cô ấy đã bình phục hoàn toàn.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Học sinh tự thực hành  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Unit 3A. Vocabulary (trang 24)**  
**Unit 3B. Grammar (trang 25)**  
**Unit 3D. Grammar (trang 27)**  
**Unit 3E. Word Skills (trang28)**  
**Unit 3F. Reading (trang 29)**  
**Unit 3G. Speaking (trang 30)**  
**Unit 3H. Writing (trang 31)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 1: Generations  
Unit 2: Leisure time  
Unit 4: Home